

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 218 /UBND-KTTH

V/v báo cáo kết quả đánh giá
thực hành tiết kiệm chi
thường xuyên năm 2019 của
tỉnh Kiên Giang.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.

Sau khi tổng hợp, đánh giá theo quy định của Thông tư số 129/2017/TT-BTC; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh theo các phụ lục kèm theo Công văn này.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nkguyen.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ ĐÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 218 /UBND-KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách tự đánh giá									
			Văn Phòng HĐND tỉnh	Sở Tài Chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Ngoại vụ	Sở Du lịch	Công an tỉnh	Ban Dân tộc	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	Thanh tra tỉnh	Văn phòng Điều phối nông thôn mới
TỔNG CỘNG (A+B+C)		100	90	100	90	100	63	99	90	99	100	90
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A= I + II + III)	70	60	70	70	70	53	69	70	69	70	65
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	46	55	55	55	43	54	55	54	55	55
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	5	6	6	6	0	5	6	5	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	4	6	6	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	5	6	6	6	0	6	6	6	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, thông tin liên lạc	6	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	4	5	5	5	0	5	5	5	5	0
1	Đã thực hiện khoán	5	4	5	5	5		5	5	5	5	0
2	Chưa thực hiện khoán	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo KH, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
1	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
2	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước	30	30	30	20	30	10	30	20	30	30	30
1	Tiết kiệm < 5% so với DT được giao	10	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách tự đánh giá									
			Văn Phòng HĐND tỉnh	Sở Tài Chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Ngoại vụ	Sở Du lịch	Công an tỉnh	Ban Dân tộc	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	Thanh tra tỉnh	Văn phòng Điều phối nông thôn mới
2	Tiết kiệm từ 5 đến 9 % so với DT được giao	20	0	0	20	0	0	30	20	0	0	0
3	Tiết kiệm >9% so với DT được giao	30	30	30	0	30	0	0	0	30	30	30
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		0	0	0	0	0	0	0	0	0	-5
1	Có khoản chi bị Kho Bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-5

(Phụ lục số 01-A Thông tư số 129/2017/TT-BTC)



Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ ĐÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 218 /UBND-KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sự nghiệp tự đánh giá											
			Trường Cao đẳng Kiên Giang	Trường Cao đẳng Nghề	Trường Cao đẳng Sư phạm	Trường Chính trị	Trường Cao đẳng Y tế	Vườn Quốc gia Phú Quốc	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	BQL DA ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn
TỔNG CỘNG (A+B+C)		100	90	96	90	86	50	99	100	100	100	100	98	100
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A= I + II)	70	70	66	70	56	40	69	70	70	70	70	68	70
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	55	51	55	41	40	54	55	55	55	55	53	55
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	4	6	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6	4	6	5	2	5	6	6	6	6	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	4	2	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6	4	6	4	2	6	6	6	6	6	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6	6	6	4	5	6	6	6	6	6	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	4	5	6	6	6	6	6	4	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, thông tin liên lạc	6	6	6	6	4	5	6	6	6	6	6	6	6
9	Chi thực hiện các NV được cấp có thẩm quyền giao	7	7	7	7	6	7	7	7	7	7	7	7	7
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15	15	15	15	15	0	15	15	15	15	15	15	15



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sự nghiệp tự đánh giá											
			Trường Cao đẳng Kiên Giang	Trường Cao đẳng Nghề	Trường Cao đẳng Sư phạm	Trường Chính trị	Trường Cao đẳng Y tế	Vườn Quốc gia Phú Quốc	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	BQL DA ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	10	10
	Không thực hiện đúng theo kế hoạch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm dứt chỉ tiêu này.	5	5	5	5	5	0	5	5	5	5	5	5	5
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	0	5	5	5	5	5	5	5
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	20	30	20	30	10	30	30	30	30	30	30	30
1	Tiết kiệm < 5% so với DT được giao	10	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0
2	Tiết kiệm từ 5 đến 9 % so với DT được giao	20	20	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiết kiệm >9% so với DT được giao	30	0	30	0	30	0	30	30	30	30	30	30	30
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Có khoản chi bị Kho Bạc Nhà nước từ chối thanh toán di chỉ sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sự nghiệp tự đánh giá											
			Trường Cao đẳng Kiên Giang	Trường Cao đẳng Nghề	Trường Cao đẳng Sư phạm	Trường Chính trị	Trường Cao đẳng Y tế	Vườn Quốc gia Phú Quốc	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	BQL DA ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Phụ lục số 01-B Thông tư số 129/2017/TT-BTC)



Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ ĐÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH - TRỪ BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP
(Kèm theo Công văn số 218 /UBND-KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách tự đánh giá														
			Văn phòng UBND tỉnh	Sở Y tế	Sở Xây Dựng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Sở Khoa học Công nghệ
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100	91	90	90	90	99	84	100	100	94	90	100	90	100	90
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	30	30	20	20	30	30	20	30	30	30	20	30	20	30	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	0	0	20	20	0	0	20	0	0	0	20	0	20	0	20
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	0	0	30	30	0	30	30	30	0	30	0	30	0
B	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50	50	50	50	0	50	50	50	0	50	50	50	50	50	50	50
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	45	0	0	0	50	0	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách tự đánh giá														
			Văn phòng UBND tỉnh	Sở Y tế	Sở Xây Dựng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Sở Khoa học Công nghệ
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	20	11	20	20	10	19,2	14	20	20	14	20	20	20	20	20
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10	7	10	10	10	9,7	10	10	10	10	10	10	10	10	10
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	5	5	5	5	4,9	5	5	5	5	5	5	5	5	5
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	2	5	5	5	4,8	5	5	5	5	5	5	5	5	5
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10	4	10	10	0	9,5	4	10	10	4	10	10	10	10	10
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4	2	4	4	0	3,8	4	4	4	4	4	4	4	4	4
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6	2	6	6	0	5,7	0	6	6	0	6	6	6	6	6

(Phụ lục số 02 Thông tư số 129/2017/TT-BTC)



Phụ lục IV
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 218 /UBND-KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các huyện, thành phố tự đánh giá															Ghi chú
			TP Rạch Giá	Huyện Giồng Riềng	Huyện U Minh Thượng	Huyện An Minh	Huyện Gò Quao	Huyện Hòn Đất	Huyện Kiên Hải	Huyện Tân Hiệp	Huyện Châu Thành	Huyện An Biên	Huyện Vĩnh Thuận	Thành phố Hà Tiên	Huyện Kiên Lương	Huyện Phú Quốc	Huyện Giang Thành	
TỔNG CỘNG (A+B+C)		100	90	100	60	80	70	100	88	100	88	80	80	80	100	80	85	
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi TX (Loại trừ số KP đã thực hiện TK để cải cách tiền lương)	30	20	30	10	10	20	30	20	30	20	20	10	10	30	30	30	
1	Tiết kiệm < 6% so với DT KP được giao	10	0	0	10	10	0	0	0	0	0	0	0	10	0	0	0	
2	Tiết kiệm 5% đến 9% so với DT KP được giao	20	20	0	0	0	20	30	0	0	20	20	10	0	0	0	0	
3	Tiết kiệm < 9% so với DT KP được giao	30	0	30	0	0	0	0	20	30	0	0	0	0	30	30	30	
B	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã	50	50	50	30	50	30	50	50	50	50	40	50	50	50	40	40	
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã	40	40	40	20	40	20	40	40	40	40	30	40	40	40	30	30	
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40	40	40	0	40	0	40	0	40	40	0	40	40	40	0	0	
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30	0	0	0	0	0	0	30	0	0	30	0	0	0	30	30	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20	0	0	20	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các huyện, thành phố tự đánh giá															Ghi chú
			TP Rạch Giá	Huyện Giồng Riềng	Huyện U Minh Thượng	Huyện An Minh	Huyện Gò Quao	Huyện Hòn Đất	Huyện Kiên Hải	Huyện Tân Hiệp	Huyện Châu Thành	Huyện An Biên	Huyện Vĩnh Thuận	Thành phố Hà Tiên	Huyện Kiên Lương	Huyện Phú Quốc	Huyện Giang Thành	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Kết quả thực hiện giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
1	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
2	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
C	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	20	20	20	20	20	20	18	20	18	20	20	20	20	10	15	
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	5
1,1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
1,2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	4
2	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10	10	10	10	10	10	10	8	10	8	10	10	10	10	0	10
2,1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	4
2,2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6	6	6	6	6	6	6	4	6	4	6	6	6	6	0	6

(Phụ lục số 05 Thông tư số 129/2017/TT-BTC)





Phụ lục V

BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 218 /UBND-KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)		100	84
A	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	9
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	5
1	Sự kịp thời trong việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	2
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	2
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	0
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	25
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	5
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	10

STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	10
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	0
1	Đã thực hiện khoán	5	
2	Chưa thực hiện khoán	0	0
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	30	
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	15
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện	10	10
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	10
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	



STT	Nội dung/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	
E	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3

(Phụ lục số 06 Thông tư số 129/2017/TT-BTC)

KIỂM GIÁ.